

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYỀN QUANG

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CÔNG CHỨNG

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng số 04/2026/QH16 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Kỳ họp thứ 01 thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2026; Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 04/2026/L-CTN ngày 26/4/2026.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII đã giao Bộ Chính trị chỉ đạo Đảng uỷ Chính phủ "*Khẩn trương lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chức năng ở Trung ương phối hợp chặt chẽ với các địa phương tham mưu hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) để kịp thời tổ chức thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và tổ chức hoạt động chính quyền địa phương 2 cấp gắn với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho địa phương....*"

- Kết luận 155-KL/TW ngày 17/5/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện về sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính từ nay đến ngày 30/6/2025, trong đó yêu cầu "*Đảng uỷ các Bộ, cơ quan ngang bộ, đặc biệt là người đứng đầu chịu trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉ đạo của Bộ Chính trị, đồng chí Tổng Bí thư trong việc thực hiện phân cấp, phân quyền triệt để cho địa phương; tham mưu việc ban hành đầy đủ các nghị định, văn bản quy thực hiện phân phân cấp, phân quyền, bảo đảm có nguồn lực thực thi, có quy định chuyển tiếp rõ ràng, không để khoảng trống, không gián đoạn công việc...*".

- Kết luận số 21-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về việc tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW đã đề ra nhiệm vụ "*Tập trung các nguồn lực để tiếp tục khẩn trương hoàn thiện thể chế, cơ chế vận hành các cơ quan, đơn vị, tổ chức của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng; phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của Quốc hội, Chính phủ, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp; xác định rõ trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương....*".

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định

về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước đã quy định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan trong việc giải quyết các vấn đề phát sinh, theo đó, *“Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành VBQPPL theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành VBQPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm phải hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027”* (khoản 2 Điều 11).

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã đề ra nhiệm vụ: *Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh, theo đó, có kế hoạch và lộ trình đưa toàn bộ hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị lên môi trường số, bảo đảm liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước. Xây dựng nền tảng số dùng chung quốc gia, phát triển hệ thống giám sát, điều hành thông minh nhằm tăng cường quản lý công. Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hóa và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ Nhân dân.*

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW. Tại Thông báo Kết luận số 39-TB/TGV ngày 09/8/2025 của Tổ Giúp việc, Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, theo đó yêu cầu: Các bộ, ngành, các cơ quan trong hệ thống chính trị khẩn trương rà soát, đánh giá để xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện nền tảng của bộ ngành mình (phần cứng, phần mềm) bảo đảm các yêu cầu: (i) những gì có thể dùng chung thì phải dùng chung, không để lãng phí, trùng lặp, (ii) vận hành xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương; (iii) có khả năng kết nối với các nền tảng khác trong toàn hệ thống chính trị; (iv) tuân thủ các quy định về khung kiến trúc, kiến trúc về chuyển đổi, dữ liệu; (v) phục vụ hiệu quả công tác thống kê, phân tích, quản lý, điều hành của bộ, ngành mình và toàn hệ thống chính trị.

- Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện, theo đó mục tiêu, yêu cầu đều hướng tới việc xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung, xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương.

- Căn cứ vào Thông báo Kết luận số 39-TB/TGV và Nghị quyết số 214/NQ-

CP thì cần xây dựng Cơ sở dữ liệu công chứng thống nhất, dùng chung thay vì xây dựng Cơ sở dữ liệu công chứng của Bộ Tư pháp và Cơ sở dữ liệu công chứng (CSDLCC) của địa phương như Luật Công chứng hiện hành.

2. Cơ sở thực tiễn

Ngay sau khi Luật Công chứng năm 2024 được thông qua, Bộ Tư pháp với vai trò cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc thực hiện quản lý nhà nước về công chứng trên phạm vi cả nước đã khẩn trương tổ chức việc triển khai thực hiện Luật, bao gồm việc tham mưu ban hành 01 Nghị định và ban hành 02 Thông tư quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật, ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Luật Công chứng, ban hành các Công văn gửi Ủy ban nhân dân, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Hiệp hội công chứng viên Việt Nam; triển khai việc xây dựng CSDLCC và triển khai công chứng điện tử, chỉ đạo việc phát triển tổ chức hành nghề công chứng (TCHNCC) trong bối cảnh không còn đơn vị hành chính cấp huyện.

2.1. Về các vấn đề liên quan đến địa bàn cấp huyện, phân cấp, phân quyền

- Đối với các quy định liên quan đến tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, vấn đề địa bàn cấp huyện được quy định tại Nghị định số 104/2025/ND-CP đã được thay thế bằng địa bàn cấp xã từ ngày 01/7/2025 theo quy định tại khoản 3 Điều 66 của Nghị định này. Đối với quy định liên quan đến địa bàn cấp huyện trong Luật Công chứng, thực hiện Nghị quyết số 190/2025/QH13 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, ngày 03/7/2025 Bộ Tư pháp ban hành Công văn số 3961/BTP-BTTP hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ quản lý bổ trợ tư pháp, trong đó có quy định xử lý vấn đề địa bàn cấp huyện khi thực hiện Luật Công chứng năm 2024. Qua đó, 03 tháng triển khai thực hiện Luật Công chứng năm 2024 cơ bản không gặp vướng mắc về vấn đề này. Tuy nhiên, việc hướng dẫn bằng Công văn chỉ mang tính chất tạm thời, chưa bảo đảm đầy đủ cơ sở pháp lý ổn định, bền vững cho Việc thành lập và phát triển các TCHNCC cũng như chưa bảo đảm giải quyết triệt để các vấn đề vướng mắc có thể phát sinh trong thời gian dài.

- Đối với việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm công chứng viên (CCV), từ ngày 01/7/2025, thẩm quyền và trách nhiệm này đã được chuyển từ Bộ trưởng Bộ Tư pháp theo quy định của Luật Công chứng năm 2024 sang Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Nghị định số 121/2025/NĐ-CP quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp. Tuy nhiên, Nghị định số 121/2025/NĐ-CP cũng chỉ có hiệu lực trong thời gian nhất định (trước tháng 3/2027), do vậy vẫn cần có giải pháp căn cơ để giải quyết vấn đề này.

2.2. Thực trạng cơ sở dữ liệu công chứng trong cả nước

- Hiện nay cả nước chưa có CSDLCC dùng chung thống nhất, chưa có phần mềm quản lý CSDLCC toàn quốc. Cả Phần mềm Quản lý thông tin CCV và TCHNCC của Bộ Tư pháp và phần mềm CSDLCC ở địa phương chưa kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về dân cư, các CSDL quốc gia khác, các CSDL bộ, ngành khác nên cơ sở dữ liệu phân tán, không thống nhất, dẫn đến khó khăn trong việc quản lý, giám sát hoạt động công chứng, khó khăn khi tra cứu thông tin ngăn chặn, tính trùng lặp, thiếu chuẩn dữ liệu và không đảm bảo an toàn thông tin.

- Xuất phát từ những căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, đề thể chế hoá đầy đủ quan điểm chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện, hướng tới việc xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung, xuyên suốt từ trung ương đến địa phương, bảo đảm việc triển khai nhiệm vụ được thông suốt, hiệu quả, kịp thời, cải cách tối đa thủ tục hành chính, giảm chi phí, tạo thuận lợi cao nhất cho người dân, doanh nghiệp thì việc ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích ban hành

Việc xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng nhằm thể chế hóa kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện, hướng tới việc xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung, xuyên suốt từ trung ương đến địa phương, bảo đảm việc triển khai nhiệm vụ được thông suốt, hiệu quả, kịp thời, cải cách tối đa thủ tục hành chính, giảm chi phí, tạo thuận lợi cao nhất cho người dân, doanh nghiệp.

2. Quan điểm xây dựng Luật

Việc xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng được thực hiện trên các quan điểm sau đây:

2.1. Tiếp tục thể chế hóa kịp thời, đầy đủ các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng.

2.2. Phù hợp với Hiến pháp, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước.

2.3. Phát huy những ưu điểm của Luật Công chứng, bổ sung, thay thế các nội dung về phân cấp, phân quyền, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong lĩnh vực công chứng, góp phần tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh

Việc sửa đổi, bổ sung Luật Công chứng tập trung vào điều chỉnh một số quy định liên quan đến đơn vị hành chính cấp huyện, quy định về phân cấp, phân quyền, quy định về cơ sở dữ liệu công chứng, quy định liên quan đến giao dịch phải công chứng, việc sử dụng dữ liệu thay thế văn bản giấy trong hồ sơ yêu cầu công chứng.

2. Bố cục của Luật

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng gồm 03 Điều, cụ thể như sau:

Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng (gồm 17 khoản):

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 2;
- Sửa đổi, bổ sung Điều 3;
- Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 11;
- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 13;
- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 16;
- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 17;
- Sửa đổi, bổ sung Điều 19;
- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 23;
- Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 24;
- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 26;
- Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 42;
- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 điều 43;
- Sửa đổi, bổ sung Điều 44;
- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 50;
- Sửa đổi, bổ sung Điều 57;
- Sửa đổi, bổ sung Điều 66;
- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 68;
- Thay thế một số cụm từ tại một số điểm, khoản như sau:

+ Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” tại khoản 4 Điều 8;

+ Thay thế cụm từ “thanh tra viên chính ngành tư pháp” bằng cụm từ “thanh tra viên chính trong lĩnh vực tư pháp” tại điểm a khoản 3 Điều 11; cụm từ “thanh tra viên cao cấp ngành tư pháp” bằng cụm từ “thanh tra viên cao cấp trong lĩnh vực tư pháp” tại điểm d khoản 3 Điều 11;

+ Thay thế cụm từ “xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “xã, phường, đặc khu” tại khoản 3 Điều 14;

+ Thay thế cụm từ “địa bàn cấp huyện” bằng cụm từ “địa bàn cấp xã” tại điểm a khoản 2 Điều 20 và khoản 1 Điều 21;

+ Thay thế cụm từ “tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương” bằng cụm từ “tỉnh, thành phố” tại khoản 4 Điều 20, khoản 1 Điều 29, khoản 1 Điều 41 và khoản 5 Điều 68.

Điều 2: Hiệu lực thi hành.

Điều 3: Điều khoản chuyển tiếp.

3. Nội dung cơ bản của Luật

3.1. Nội dung sửa đổi, bổ sung

3.1.1. Sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến đơn vị hành chính cấp huyện địa bàn cấp huyện

Luật Công chứng năm 2024 có 05 Điều quy định về đơn vị hành chính cấp huyện địa bàn cấp huyện. Để phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, không còn đơn vị hành chính cấp huyện như hiện nay thì các quy định trên sẽ sửa đổi, bổ sung như sau: Bộ Phòng Tư pháp cấp huyện, thay thế đơn vị hành chính cấp huyện bằng cụm từ “địa bàn cấp xã” đơn vị hành chính cấp xã tại các điều khoản có liên quan của Luật (điểm a khoản 2 Điều 20, khoản 1 Điều 21, 1 khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 26).

- Đối với việc thay đổi trụ sở của TCHNCC, thay thế phạm vi "đơn vị hành chính cấp huyện nơi đặt trụ sở tại khoản 1 Điều 26 bằng phạm vi "đơn vị hành chính cấp xã nơi đặt trụ sở.

3.1.2. Sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến giao dịch phải công chứng.

Sửa đổi, bổ sung Điều 3 theo hướng: “*Giao dịch phải công chứng là giao dịch quan trọng, đòi hỏi điều kiện tham gia giao dịch chặt chẽ, mức độ an toàn pháp lý cao và được luật quy định phải công chứng. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan rà soát, cập nhật, đăng tải danh mục các giao dịch phải công chứng, chứng thực trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp*”.

3.1.3. Sửa đổi về đề án quản lý, phát triển tổ chức hành nghề công chứng

Khoản 2 điều 19 quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban

hành Đề án quản lý, phát triển các tổ chức hành nghề công chứng phù hợp với quy định của Luật này, các văn bản hướng dẫn thi hành và tình hình thực tiễn tại địa phương; xem xét, quyết định chuyển giao thẩm quyền chứng thực giao dịch của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cho tổ chức hành nghề công chứng để thực hiện công chứng giao dịch tại những địa bàn cấp xã đã phát triển được tổ chức hành nghề công chứng đáp ứng yêu cầu công chứng của cá nhân, tổ chức theo quy định của Chính phủ.” Theo đó bãi bỏ quy định “xem xét, quyết định chuyển giao thẩm quyền chứng thực giao dịch từ Phòng Tư pháp cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã sang tổ chức hành nghề công chứng tại những địa bàn cấp huyện...” để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

3.1.4. Sửa đổi, bổ sung quy định về thủ tục công chứng theo hướng sử dụng dữ liệu thay thế văn bản giấy trong hồ sơ yêu cầu công chứng

Sửa đổi khoản 7 Điều 42 như sau: “7. Người yêu cầu công chứng đồng ý toàn bộ nội dung trong dự thảo giao dịch thì ký vào từng trang của giao dịch và ký, ghi đủ họ, tên của cá nhân, đóng dấu của tổ chức (nếu có) vào trang cuối của giao dịch; trường hợp điểm chỉ thì thực hiện theo quy định tại Điều 50 của Luật này. Công chứng viên yêu cầu người yêu cầu công chứng xuất trình bản chính giấy hoặc bản chính điện tử của các giấy tờ quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này để kiểm tra, đối chiếu trước khi ký vào lời chứng và từng trang của giao dịch; trường hợp công chứng văn bản từ chối nhận di sản quy định tại Điều 60 của Luật này thì người yêu cầu công chứng không phải xuất trình bản chính giấy hoặc bản chính điện tử của giấy tờ quy định tại điểm c khoản 1 Điều này để công chứng viên kiểm tra, đối chiếu trước khi ký vào lời chứng và từng trang của giao dịch; đối với các giấy tờ quy định tại điểm d khoản 1 Điều này mà người yêu cầu công chứng không có bản chính giấy hoặc bản chính điện tử tại thời điểm công chứng viên ký vào lời chứng thì có thể xuất trình bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính.”

Đồng thời bổ sung khoản 7^a vào sau khoản 7 Điều 42: “7a. Trong trường hợp đã có dữ liệu về các thông tin trong thành phần hồ sơ yêu cầu công chứng quy định tại khoản 1 Điều này trong cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố thì người yêu cầu công chứng không phải cung cấp giấy tờ có chứa thông tin đó mà có thể tự khai thác dữ liệu để cung cấp cho công chứng viên; trường hợp người yêu cầu công chứng đề nghị công chứng viên khai thác dữ liệu thì phải nộp phí khai thác và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật; công chứng viên tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công chứng khai thác, sử dụng thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia và các cơ sở dữ liệu khác đã được công bố để xem xét, giải quyết hồ sơ yêu cầu công chứng; không yêu cầu xuất trình bản chính giấy tờ để đối chiếu theo quy định tại khoản 7 Điều này. Công chứng viên chỉ được yêu cầu người yêu cầu công chứng bổ sung giấy

tờ trong thành phần hồ sơ yêu cầu công chứng trong trường hợp không khai thác được thông tin trong thời hạn giải quyết yêu cầu công chứng hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác.”. Nội dung của khoản 7 và khoản 7^a Điều 42 quy định việc không yêu cầu người yêu cầu công chứng cung cấp không yêu cầu xuất trình bản chính giấy tờ để đối chiếu theo quy định theo hướng trường hợp tổ chức hành nghề công chứng đã khai thác được các thông tin của các giấy tờ trong hồ sơ yêu cầu công chứng trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, cơ sở dữ liệu khác theo quy định của pháp luật thì người yêu cầu công chứng không phải nộp các giấy tờ này nhưng phải nộp phí khai thác dữ liệu theo quy định của pháp luật để tổ chức hành nghề công chứng khai thác dữ liệu. Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, cơ sở dữ liệu khác phải đảm bảo đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung. Chỉ được yêu cầu người yêu cầu công chứng cung cấp, bổ sung giấy tờ trong trường hợp không khai thác được thông tin trong thời hạn giải quyết yêu cầu công chứng hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác

3.1.5. Sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến cơ sở dữ liệu công chứng

Sửa đổi, bổ sung Điều 66 theo hướng thay 02 CSDLCC của Bộ Tư pháp và của địa phương bằng 01 CSDLCC do Bộ Tư pháp xây dựng và quản lý tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương. CSDLCC bao gồm thông tin về CCV, TCHNCC, số liệu về kết quả hoạt động công chứng; nguồn gốc tài sản, tình trạng giao dịch của tài sản, các thông tin về biện pháp ngăn chặn và cảnh báo rủi ro trong hoạt động công chứng, thông tin về giao dịch đã được công chứng, văn bản công chứng. Mục đích là thể chế hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và thực hiện Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện, theo đó mục tiêu, yêu cầu đều hướng tới việc xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung, xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương; Tạo sự thống nhất với các luật điều chỉnh về vấn đề dữ liệu, thông tin, như Luật Dữ liệu, Luật Giao dịch điện tử, đồng bộ về quy định cơ sở dữ liệu với các luật có liên quan, như Luật Đất đai, Luật Nhà ở... Khắc phục tình trạng cơ sở dữ liệu phân tán, không thống nhất, dẫn đến khó khăn trong việc quản lý, giám sát hoạt động công chứng, khó khăn khi tra cứu thông tin ngăn chặn, tính trùng lặp, thiếu chuẩn dữ liệu và không đảm bảo an toàn thông tin. Tiết kiệm ngân sách nhà nước cho việc xây dựng CSDLCC tại 34 tỉnh, thành phố. Bảo đảm cơ sở và điều kiện cần thiết cho việc kết nối với các CSDL quốc gia về dân cư và CSDL có liên quan. Giảm bớt thủ tục liên quan đến việc nghiên cứu, đề xuất xây dựng và quản trị các CSDLCC tại các địa phương.

3.2. Nội dung phân cấp, phân quyền

Sửa đổi, bổ sung quy định về bổ nhiệm CCV (khoản 1 Điều 13), miễn nhiệm CCV (khoản 3 Điều 16), bổ nhiệm lại CCV (Điều 17) từ thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp thành thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

5. Điều khoản chuyển tiếp

1. Người đã được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chứng viên trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục hành nghề công chứng và thực hiện các nhiệm vụ chứng thực theo quy định của Luật Công chứng số 46/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 106/2025/QH15 và quy định của Luật này.

2. Việc bổ nhiệm công chứng viên đối với người đã hoàn thành tập sự hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố được sắp xếp với tỉnh, thành phố khác thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố sau khi sắp xếp.

3. Việc miễn nhiệm công chứng viên đối với những trường hợp do Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm được thực hiện theo quy định của Luật này. Trường hợp công chứng viên được Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm mà chưa hành nghề thì việc miễn nhiệm thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đã đề nghị bổ nhiệm công chứng viên đó.

4. Việc bổ nhiệm lại công chứng viên đối với những trường hợp đã được miễn nhiệm hoặc bị miễn nhiệm trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được thực hiện theo quy định của Luật này. Trường hợp công chứng viên được Bộ trưởng Bộ Tư pháp miễn nhiệm thì việc bổ nhiệm lại thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đã đề nghị miễn nhiệm công chứng viên đó; trường hợp Bộ trưởng Bộ Tư pháp tự mình miễn nhiệm công chứng viên thì việc bổ nhiệm lại thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi hành nghề cuối cùng của công chứng viên đó.

5. Cơ sở dữ liệu công chứng của các địa phương được xây dựng trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục quản lý, khai thác, sử dụng theo quy định của Luật Công chứng số 46/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 106/2025/QH15 cho đến ngày cơ sở dữ liệu công chứng được xây dựng theo quy định của Luật này được đưa vào vận hành, sử dụng và các dữ liệu cần thiết đã được đồng bộ đầy đủ, chính xác vào cơ sở dữ liệu công chứng được xây dựng theo quy định của Luật này.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo việc cập nhật, quản lý,

khai thác cơ sở dữ liệu công chứng đã có tại địa phương trong thời gian xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng theo quy định của Luật này; chỉ đạo việc kết nối, tích hợp các dữ liệu công chứng tại địa phương với cơ sở dữ liệu công chứng theo quy định của Luật này bảo đảm kịp thời, an toàn, đầy đủ, chính xác.

6. Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, Chính phủ tổ chức rà soát các quy định về giao dịch phải công chứng tại các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành và hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định không đáp ứng yêu cầu về giao dịch phải công chứng theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Luật này./.

Nơi nhận:

- Các Ban Đảng, UBKT, VP - Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- UBMTTQ&TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Hội Luật gia tỉnh; Đoàn Luật sư tỉnh;
- Các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp, hợp tác xã;
- Thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh;
- Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng tại địa phương tương đương cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT STP (đăng tải);
- Lưu: VT, PBGDPL (ĐXDững).

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYẾN QUANG